

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập số .../2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2018/NĐ-CP và Nghị định số .../2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, Nghị định số 90/2025/NĐ-CP và Nghị định số .../2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 202/2012/TT-BTC NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 2012 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN VỀ ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ VÀ CÔNG KHAI DANH SÁCH KIỂM TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ KIỂM TOÁN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 39/2020/TT-BTC, THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BTC, THÔNG TƯ SỐ 22/2024/TT-BTC VÀ THÔNG TƯ SỐ 05/2025/TT-BTC

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4

“5. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá sáu (06) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu cá nhân bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.”.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 203/2012/TT-BTC NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 2012 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 39/2020/TT-BTC, THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BTC, THÔNG TƯ SỐ 22/2024/TT-BTC VÀ THÔNG TƯ SỐ 05/2025/TT-BTC

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6

“3. Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin về Giấy phép thành lập chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương trên các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương.”.

Điều 3. Bãi bỏ một số nội dung

Bãi bỏ khoản 2 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 16.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 133/2016/TT-BTC NGÀY 26 THÁNG 8 NĂM 2016 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 46/2025/TT-BTC

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 70

“2. Việc ký Báo cáo tài chính phải thực hiện theo quy định của Luật Kế toán. Trường hợp doanh nghiệp thuê cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán lập Báo cáo tài chính thì trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải ghi tên cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc số hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán giữa cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán và khách hàng.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 90

“4. Trường hợp doanh nghiệp thuê cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện dịch vụ ghi sổ thì người ghi sổ phải ký và ghi tên cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán hoặc số hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán giữa cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán và khách hàng.”.

Điều 6. Bãi bỏ một số nội dung

Bãi bỏ một số ghi chú tại các biểu mẫu sau đây:

a) Bãi bỏ ghi chú “(4) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán.” tại các biểu mẫu: Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a - DNN); Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01b - DNN); Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 - DNNKLT); Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 - DNSN) tại Phụ lục 2.

b) Bãi bỏ ghi chú “(2) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán.” tại các biểu mẫu: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - DNN); Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 - DNN) tại Phụ lục 2.

c) Bãi bỏ ghi chú “Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán.” tại các biểu mẫu: Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - DNN); Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - DNNKLT); Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - DNSN); Bản

thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - DNSN); Bảng cân đối tài khoản nộp cho cơ quan thuế (Mẫu số F01 - DNN) tại Phụ lục 2.

d) Bãi bỏ ghi chú “Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán.” tại tất cả các biểu mẫu sổ kế toán tại Phụ lục 4.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 271/2016/TT-BTC NGÀY 14 THÁNG 11 NĂM 2016 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 74/2022/TT-BTC

Điều 7. Bãi bỏ một số nội dung

1. Bãi bỏ cụm từ “kế toán,” tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 3.
2. Bãi bỏ cụm từ “,kế toán” tại khoản 1 Điều 2.
3. Bãi bỏ cụm từ “dịch vụ kế toán,” tại khoản 2 Điều 3.

Chương V

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 91/2017/TT-BTC NGÀY 31 THÁNG 8 NĂM 2017 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THI, CẤP, QUẢN LÝ CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN VÀ CHỨNG CHỈ KẾ TOÁN VIÊN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 43/2023/TT-BTC VÀ THÔNG TƯ SỐ 22/2024/TT-BTC

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

“Thông tư này quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Luật kiểm toán độc lập.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 5

“1. Người đăng ký dự thi lần đầu để lấy chứng chỉ kiểm toán viên, hồ sơ dự thi gồm:

a) Phiếu đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 3x4cm theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02b ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo Giấy xác nhận về thời gian công tác thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán có chữ ký của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền) và đóng dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sơ yếu lý lịch;

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, có xác nhận của tổ chức cấp hoặc cơ quan công chứng. Nếu là bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác thì phải nộp kèm theo bảng điểm có chứng thực ghi rõ số đơn vị học trình (hoặc tiết học) của tất cả các môn học. Trường hợp người dự thi nộp bằng thạc sĩ, tiến sĩ thì phải nộp kèm theo bảng điểm học thạc sĩ, tiến sĩ có ghi rõ ngành học có chứng thực.

2. Người đăng ký dự thi tiếp các môn chưa thi hoặc thi lại các môn thi đã thi chưa đạt yêu cầu hoặc thi để đạt tổng số điểm quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư này, hồ sơ là Phiếu đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 3x4cm theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02b ban hành kèm theo Thông tư này.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6

“4. Nội dung từng môn thi bao gồm cả phần lý thuyết và phần ứng dụng vào bài tập tình huống quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư này. Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán (Bộ Tài chính) chịu trách nhiệm tổ chức soạn thảo, cập nhật và công khai nội dung, chương trình tài liệu học, ôn thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12

“4. Kết quả thi được thông báo cho từng người dự thi. Người đạt yêu cầu bài thi theo quy định tại khoản 2 Điều này được Bộ Tài chính cấp chứng chỉ kiểm toán viên.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 16

“6. Phê duyệt, công bố kết quả thi và thông báo điểm cho từng thí sinh theo quy định.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 18

“4. Đạt yêu cầu thi:

a) Đối với trường hợp dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên: Người dự thi đạt yêu cầu cả 7 môn thi quy định tại khoản 2 Điều 6 và có tổng số điểm các môn thi còn được bảo lưu (trừ môn thi Ngoại ngữ) từ 38 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi;

b) Đối với trường hợp có chứng chỉ kế toán viên dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên: Người dự thi đạt yêu cầu cả 3 môn thi quy định tại khoản 3 Điều 6 và có tổng số điểm các môn thi còn được bảo lưu (trừ môn thi Ngoại ngữ) từ 12,5 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi.

5. Người dự thi đạt yêu cầu thi theo quy định tại khoản 4 Điều này được cấp chứng chỉ kiểm toán viên.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 19

“Hội đồng thi căn cứ vào kết quả chấm thi của từng môn thi để tổng hợp, phê duyệt, công bố trên Cổng dịch vụ công Bộ Tài chính đối với kết quả thi của thí

sinh. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, người dự thi có quyền làm đơn xin phúc khảo bài thi gửi Chủ tịch Hội đồng thi. Trường hợp chấm phúc khảo thì kết quả thi lấy theo điểm phúc khảo.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung tên và nội dung Điều 22

“Điều 22. Cấp chứng chỉ kiểm toán viên

1. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có kết quả thi, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện rà soát, cấp chứng chỉ kiểm toán viên cho người đạt kết quả thi.

2. Chứng chỉ kiểm toán viên (Phụ lục số 04) được trao trực tiếp cho người được cấp chứng chỉ hoặc người được ủy quyền của người được cấp; trường hợp bị mất sẽ không được cấp lại.

3. Chứng chỉ kiểm toán viên có giá trị pháp lý để đăng ký hành nghề kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành về hành nghề kiểm toán.”.

Điều 16. Bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 vào Điều 27

“4. Đối với người dự thi lấy chứng chỉ kế toán viên kỳ thi năm 2024, 2025 được bảo lưu kết quả thi theo quy định của Điều 18 Thông tư số 91/2017/TT-BTC để chuyển sang thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên bắt đầu từ kỳ thi năm 2026 (nếu có nhu cầu).

5. Người dự thi, thi sát hạch lấy chứng chỉ kế toán viên kỳ thi kiểm toán viên, kế toán viên do Bộ Tài chính tổ chức trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 đã đạt yêu cầu thi theo quy định thì được cấp chứng chỉ kế toán viên.

6. Hội đồng thi kiểm toán viên, kế toán viên năm 2025 tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 91/2017/TT-BTC và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.”.

Điều 17. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung

1. Thay thế cụm từ “Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán” tại khoản 1 Điều 13, Điều 29 bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán”.

2 Thay thế cụm từ “Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán” tại điểm b khoản 1 Điều 14 bằng cụm từ “Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán”.

3. Thay thế Phụ lục số 02b, Phụ lục số 02c, Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC bằng Phụ lục số 02b, Phụ lục số 02c, Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bãi bỏ một số nội dung sau đây:

a) Bãi bỏ cụm từ “, kế toán viên” tại khoản 2 Điều 2, tên Mục 3, tên Điều 13, Điều 29;

- b) Bãi bỏ cụm từ “và chúng chỉ kế toán viên” tại khoản 4 Điều 2, khoản 9 Điều 16;
- c) Bãi bỏ cụm từ “, chúng chỉ kế toán viên” tại khổ đầu tiên của Điều 4;
- d) Bãi bỏ cụm từ “hoặc chúng chỉ kế toán viên” tại khoản 1 Điều 10;
- đ) Bãi bỏ khoản 1 Điều 6, khoản 5 Điều 10, khoản 3 Điều 12, khoản 5 Điều 16, Điều 21;
- e) Bãi bỏ Phụ lục số 02a, Phụ lục số 03a, Phụ lục số 03b, Phụ lục số 03c, Phụ lục số 05.

Chương VI

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 40/2020/TT-BTC NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2020 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 174/2016/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2012/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

“Thông tư này hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập qua biên giới phát sinh trong kỳ tại Việt Nam và tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập qua biên giới theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 2

“1. Doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam có liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài có cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh trong kỳ tại Việt Nam và tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.”.

Điều 20. Bãi bỏ một số nội dung

Bãi bỏ Điều 3.

Chương VII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 99/2025/TT-BTC NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 2025 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 16

“4. Việc lập và ký Báo cáo tài chính được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, văn bản hướng dẫn Luật Kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trường hợp doanh nghiệp thuê cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện dịch vụ lập và trình bày Báo cáo tài chính, dịch vụ làm kế toán trưởng thì tại phần người lập, kế toán trưởng trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải ghi tên cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc số hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán giữa cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán và khách hàng.”.

Chương VIII

BÃI BỎ MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI CÁC THÔNG TƯ VÀ BÃI BỎ TOÀN BỘ MỘT SỐ THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Điều 22. Bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán, Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên.

2. Bãi bỏ Điều 2, Điều 3 Thông tư số 39/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo tại một số Thông tư trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 5, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 8 Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

4. Bãi bỏ Điều 4 Thông tư số 46/2025/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

5. Bãi bỏ Điều 9 Thông tư số 31/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Điều 23. Bãi bỏ toàn bộ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Bãi bỏ toàn bộ một số Thông tư sau đây:

1. Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2019/TT-BTC, Thông tư số 39/2020/TT-BTC, Thông tư số 23/2024/TT-BTC và Thông tư số 46/2025/TT-BTC.

2. Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2019/TT-BTC, Thông tư số 43/2023/TT-BTC, Thông tư số 23/2024/TT-BTC.

3. Thông tư số 297/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2020/TT-BTC, Thông tư số 43/2023/TT-BTC và Thông tư số 23/2024/TT-BTC.

4. Thông tư số 44/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán.

5. Thông tư số 09/2021/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BTC.

6. Thông tư số 23/2024/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn về quản lý và kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Quy định chuyển tiếp

Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực được quy định tại Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy

định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam;
- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;
- Cổng TTĐT của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLKT (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Tạ Anh Tuấn

PHỤ LỤC SỐ 02b

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày / /2026 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
màu 3x4

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KIỂM TOÁN VIÊN Năm ...

- Họ và tên (chữ in hoa):.....
- Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam (Nữ):.....
- Số Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài)
.....
- Nơi sinh (hoặc Quốc tịch - đối với người nước ngoài):.....
- Số điện thoại:.....e.mail:.....
- Chức vụ, đơn vị nơi đang công tác:.....
.....
- Trình độ chuyên môn:
 - Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
 - Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
 - Sau đại học: Chuyên ngành:..... Năm:...
- Thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán (kèm theo tài liệu chứng minh về thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán):

Từ tháng.../... đến tháng.../...	Tên cơ quan, đơn vị nơi làm việc	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán
Tổng cộng	x	x	x	

9. Đăng ký dự thi:

(1) Lần đầu ☐ (2) Năm thứ 2 ☐ (3) Năm thứ 3 ☐ ... (4) Năm thứ ... ☐

(5) Có Chứng chỉ kế toán viên thi chuyển tiếp lấy Chứng chỉ kiểm toán viên (Số chứng chỉ/KET ngày .../.../....) ☐

10. Đăng ký dự thi tại: Hà Nội ☐ TP. Hồ Chí Minh ☐

11. Đánh dấu nhân (x) môn thi đăng ký dự thi vào biểu sau:

Môn thi	Đăng ký dự thi kỳ thi năm ...	Điểm các môn thi đã dự thi		Ghi chú
		Năm...	Năm...	
1. Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp				
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao				
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao				
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao				
5. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao				
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao				
7. Ngoại ngữ:				
- Tiếng Anh				
- Tiếng Nga				
- Tiếng Pháp				
- Tiếng Trung				
- Tiếng Đức				

Ngày ... tháng ... năm...

Người đăng ký dự thi

(Ký, họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 02c

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày / /2026 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
màu 3x4

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ
KIỂM TOÁN VIÊN ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CHỨNG CHỈ CHUYÊN GIA
KẾ TOÁN HOẶC CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN
NƯỚC NGOÀI
Năm ...

1. Họ và tên (chữ in hoa):.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam (Nữ):.....
3. Số Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số (đối với người nước ngoài):
.....
4. Nơi sinh (hoặc Quốc tịch - đối với người nước ngoài):.....
5. Số điện thoại:.....e.mail:.....
6. Chức vụ, đơn vị nơi đang công tác:.....
.....
7. Trình độ chuyên môn:
- Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:....
- Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:....
- Sau đại học: Chuyên ngành:..... Năm:....
8. Chứng chỉ kế toán viên nước ngoài/ Chứng chỉ chuyên gia kế toán:
Tên chứng chỉ: Viết tắt:.....
Số:..... ngày:..... Tổ chức cấp:.....
Tổ chức cấp chứng chỉ có là thành viên của IFAC không? Có ☐ Không ☐

Tham dự và đạt yêu cầu 2 môn thi (môn Luật Doanh nghiệp và kinh doanh và môn Thuế) theo chương trình thi phối hợp giữa Bộ Tài chính Việt Nam với Hiệp hội kế toán công chứng Vương quốc Anh (ACCA)

Có ☐

Không ☐

9. Đăng ký dự thi tại:

Hà Nội ☐

TP. Hồ Chí Minh ☐

10. Đăng ký dự thi: Kiểm toán viên

11. Quá trình làm việc:

Thời gian từ ... đến ...	Công việc - Chức vụ	Nơi làm việc

..., ngày ... tháng ... năm ...
Người đăng ký dự thi
(Ký, họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 04

((Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BTC ngày ... / .../2026 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính))

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN
AUDITOR'S CERTIFICATE

Bộ trưởng Bộ Tài chính/Minister of Finance

Cấp cho Ông (Bà)/ *Hereby certifies that Mr/Mrs:*

Năm sinh/*Date of birth*:.....

Nơi sinh (Quốc tịch)/*Nationality*:.....

Đạt yêu cầu kỳ thi kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

Has passed the Auditor's Certificate examination organised by the Ministry of Finance on...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Số chứng chỉ:.../KTV

No.: .../KTV

Chữ ký/*Auditor's signature*

DIRECTOR GENERAL OF
ACCOUNTING AND AUDITING
SUPERVISORY DEPARTMENT